



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/No: W2503-209 (25.411)

- | | |
|--|---|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt - Na Sầm-Văn Lãng ĐN |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Chi nhánh Cấp nước Văn Lãng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Khu I, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : MẪU ĐƯNG TRONG 2 CHAI 0,5 LÍT Ở ĐIỀU KIỆN THƯỜNG |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-209	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3 *
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,33	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	3,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,5	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-210 (25.411)

- | | |
|--|---|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt - Na Sầm-Văn Lãng CN |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Chi nhánh Cấp nước Văn Lãng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Khu I, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-210	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,24	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	3,17	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,6	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-211 (25.412)

- | | |
|--|---|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt - Bình Gia ĐN |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Chi nhánh Cấp nước Bình Gia - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Khu 6A, thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2503-211	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,4	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,9	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,7	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, Đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-212 (25.412)

- | | |
|--|---|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt - Bình Gia CN |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Chi nhánh Cấp nước Bình Gia - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Khu 6A, thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2503-212	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,27	0,2 ÷ 1
4	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	3,2	2
5	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-213 (25.413)

- | | |
|--|---|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt - Tràng Định ĐN |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Chi nhánh Cấp nước Tràng Định - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Số 34, khu III, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-213	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,43	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,8	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



ĐS, Đàng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-214 (25.413)

- | | |
|--|---|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt - Tràng Định CN |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Chi nhánh Cấp nước Tràng Định - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Số 34, khu III, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-214	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,3	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,92	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-215 (25.414)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt trạm cấp nước Tân Thanh DN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 8, ngõ 1, khu Lò Rèn, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-215	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,29	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,52	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
 Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-216 (25.414)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt trạm cấp nước Tân Thanh CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 8, ngõ 1, khu Lò Rèn, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-216	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,24	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,47	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
 Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-217 (25.414)

- Tên mẫu/ Name of sample : Đầu nguồn trạm bơm LK1+ LK2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 8, ngõ 1, khu Lò Rèn, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-217	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,32	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,84	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,4	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-218 (25.414)

- Tên mẫu/ Name of sample : Cuối nguồn trạm bơm LK1+ LK2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 8, ngõ 1, khu Lò Rèn, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-218	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,29	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,95	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-219 (25.414)

- | | |
|--|---|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt - Tân Mỹ-Đông Đăng ĐN |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Số 8, ngõ 1, khu Lò Rèn, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-219	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3 113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,3	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,82	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	7	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTL

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

T.S. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
 Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-220 (25.414)

- | | |
|--|---|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt - Tân Mỹ-Đông Đăng CN |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Số 8, ngõ 1, khu Lò Rèn, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-220	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,71	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	7,1	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;
 QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
 KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;
 Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

(Signature)
 Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

(Signature)
 TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-221 (25.415)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - TT.Hữu Lũng DN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 126, đường Bắc Sơn, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-221	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,35	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,91	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-222 (25.415)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - TT.Hữu Lũng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 126, đường Bắc Sơn, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-222	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,3	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,87	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-223 (25.415)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Vân Nham-Hữu Lũng DN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 126, đường Bắc Sơn, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-223	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,27	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,17	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,5	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
 Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-224 (25.415)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Vân Nham-Hữu Lũng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 126, đường Bắc Sơn, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : MẪU ĐỰNG TRONG 2 CHAI 0,5 LÍT Ở ĐIỀU KIỆN THƯỜNG
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-224	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,23	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,22	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-225 (25.416)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - LK2-LK5 -Than Muội ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu Thống Nhất 1, thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-225	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,29	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,94	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
 Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-226 (25.416)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - LK2-LK5 -Than Muội CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu Thống Nhất 1, thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-226	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,87	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-227 (25.416)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Mô Sục-Chi Lăng ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu Thống Nhất 1, thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-227	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,26	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,81	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-228 (25.416)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Mỏ Sục-Chi Lăng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu Thống Nhất 1, thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-228	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,22	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,74	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-229 (25.417)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Trung tâm-Lộc Bình ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu Nhà Thờ, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-229	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,3	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,78	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT & MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-230 (25.417)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Trung tâm-Lộc Bình CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu Nhà Thờ, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-230	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,24	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,75	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-231 (25.417)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Na Dương-Lộc Bình ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu Nhà Thờ, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-231	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,29	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,81	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-232 (25.417)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước hồ chứa - Na Dương-Lộc Bình CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu Nhà Thờ, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-232	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,77	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-233 (25.417)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Chi Ma-Lộc Bình ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu Nhà Thờ, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-233	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,31	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,83	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-234 (25.417)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Chi Ma-Lộc Bình CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu Nhà Thờ, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-234	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,24	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,8	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-235 (25.418)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Pó Sáng-Bắc Sơn ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Thôn Tiên Đảo 1, xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-235	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,28	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,92	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/No: W2503-236 (25.418)

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt - Pó Sáng-Bắc Sơn CN |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Thôn Tiên Đáo 1, xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-236	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,23	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,84	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-237 (25.418)

- Tên mẫu/ *Name of sample* : Mẫu nước sinh hoạt - SVĐ-Bắc Sơn ĐN
- Loại mẫu/ *Sample type* : Nước sạch
- Tên khách hàng/ *Name of customer* : Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ *Address of customer* : Thôn Tiên Đảo 1, xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ *Description* : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ *Sample taking* : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ *Testing time* : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ *Test results* :

TT No	Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-237	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,35	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,64	2
6	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;
 QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
 KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;
 Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-238 (25.418)

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt - SVĐ-Bắc Sơn CN |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Thôn Tiên Đáo 1, xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-238	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,26	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,59	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-239 (25.419)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - TT. Đình Lập ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu III, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description :
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-239	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,37	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,42	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,1	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



Ths. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/No: W2503-240 (25.419)

- | | |
|---|---|
| 1. Tên mẫu/ <i>Name of sample</i> | : Mẫu nước sinh hoạt - TT. Đình Lập CN |
| 2. Loại mẫu/ <i>Sample type</i> | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ <i>Name of customer</i> | : Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ <i>Address of customer</i> | : Khu III, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn |
| 5. Mô tả mẫu/ <i>Description</i> | : |
| 6. Ngày nhận mẫu/ <i>Date of receiving</i> | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ <i>Sample taking</i> | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ <i>Testing time</i> | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ <i>Test results</i> | : |

TT No	Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-240	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,32	0,2 ÷ 1
4	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,51	2
5	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	8,1	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-241 (25.419)

- | | |
|--|---|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt - Nông Trường-Đình Lập ĐN |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Khu III, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-241	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,3	0,2 ÷ 1
4	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,53	2
5	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	8,1	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-242 (25.419)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Nông Trường-Đình Lập CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu III, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description :
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-242	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,47	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-243 (25.420)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H1
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : MẪU đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-243	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,28	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,94	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5
9	Amoni	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,958	0,3
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/L	17,5	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-244 (25.420)

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm H1 |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-244	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,23	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,87	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5
9	Amoni	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,304	0,3
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,2	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-245 (25.420)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm D3+ Nhà Tâm
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2503-245	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,32	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,83	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-246 (25.420)

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm D3+ Nà Tâm |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-246	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,27	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,87	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ts. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

T.S. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-247 (25.420)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H9
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-247	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,3	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,81	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-248 (25.420)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn H9
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-248	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,26	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,79	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



T.S. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-249 (25.420)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm T1+CL
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-249	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,28	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,71	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
 Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-250 (25.420)

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm T1+CL |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-250	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,24	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,64	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,4	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-251 (25.420)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H10
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-251	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,31	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,32	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,5	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-252 (25.420)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm H10 + H12
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : MẪU đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-252	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,27	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,37	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
 Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-253 (25.420)

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm Nước mặt Cty |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-253	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,29	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,51	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
 Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-254 (25.420)

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm D2 |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 14/03/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 14/03/2025 – 21/03/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-254	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,3	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,59	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-255 (25.420)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm D2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-255	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,27	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,63	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-256 (25.420)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H3
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-256	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,31	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,56	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-257 (25.420)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm T4+H8
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-257	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,31	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,64	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-258 (25.420)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm T4+H8+ NM Cty
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-258	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,27	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,69	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2503-259 (25.420)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt bể chứa tại nhà khách Công an tỉnh Lạng Sơn, số 1 đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, TP. Lạng Sơn
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 14/03/2025 – 21/03/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2503-259	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,22	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,79	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 ÷ 8,5
9	Amoni	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,4	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT; Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.